

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MÓNG CÁI
TỈNH QUẢNG NINH

Bản án số: 50/2025/HSST

Ngày: 09/5/2025

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MÓNG CÁI, TỈNH QUẢNG NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Thanh Huệ**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Lục Thanh Hương**, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:** Ông **Phạm Văn Thành**, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý theo thủ tục rút gọn số: 48/2025/TLST- HS ngày 24 tháng 4 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2025/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 5 năm 2025 đối với bị cáo:

Vũ Văn N (tên gọi khác: không); sinh năm: 2001, tại: Móng Cái, Quảng Ninh;

Nơi cư trú: thôn 5, xã Hải Tiến, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vũ Văn H và bà Vi Thị H; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không có; bị cáo đầu thú ngày 07/4/2025, bị tạm giam từ ngày 07/4/2025, hiện tạm giam tại Phân trại khu vực giam giữ Móng Cái- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh - có mặt.

- **Bị hại:** 1/Anh **Trần Văn C**, sinh năm 2004; - vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2/Anh **Hoàng Văn T**, sinh năm 2002; - vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan:**

1/Anh **Trần Văn S**, sinh năm 1999, - vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2/Anh **Hoàng Văn H**, sinh năm 1990, - vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

***Người làm chứng:** Anh **Hoàng Lộc Nam**, sinh năm 2001 - vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 05/4/2025, Vũ Văn N cùng Hoàng Văn T, Trần Văn C và Hoàng Lộc Nam uống bia, hát Karaoke tại quán “Quỳnh Anh” ở khu Th, phường N, quá trình hát thì C về phòng 401 nhà nghỉ “Ngọc Hân” ở khu 2, phường Trần Phú ngủ trước. Sau khi hát xong, Vũ Văn N bảo Tiến cho về nhà nghỉ để ngủ cùng thì được T đồng ý. Đến khoảng 01 giờ 30 phút ngày 06/4/2025, Vũ Văn N, Hoàng Lộc N và T cùng về phòng 401 nhà nghỉ “Ngọc Hân”, tại phòng nghỉ Vũ Văn N và Tiến ngủ một giường, Hoàng Lộc N và C ngủ một giường. Lúc này, Vũ Văn N thấy anh T treo túi xách ở cây treo quần áo, anh Cường để túi xách trên bàn trong phòng nên N nảy sinh ý định chờ mọi người ngủ say sẽ lấy trộm tiền trong túi xách của các anh Tiến và C. Đến khoảng 03 giờ cùng ngày khi T, C, Hoàng Lộc N đã ngủ say, Vũ Văn N lén lút dậy rồi đi đến vị trí cây treo quần áo mở túi xách của T ra thì thấy bên trong có 01 cọc tiền mệnh giá 100.000đ (một trăm nghìn đồng), N lấy rồi cất giấu vào túi xách của mình. Tiếp đó, N đến bàn uống nước mở túi xách của C ra thì thấy 01 chiếc ví đựng 06 tờ tiền mệnh giá 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) nên Nam cũng lấy rồi cho vào túi xách. Sau khi lấy trộm được tiền, N rời khỏi nhà nghỉ và đón taxi về nhà ở thôn 5, xã Hải Tiến, tại nhà Nam kiểm đếm được tổng số tiền lấy trộm của anh T là 7.800.000đ (bảy triệu tám trăm nghìn đồng), của anh C là 3.000.000đ (ba triệu đồng).

Sáng ngày 06/4/2025, anh Hoàng Văn T và Trần Văn C ngủ dậy thì phát hiện bị mất trộm tiền nên đã đến Cơ quan Công an phường Trần Phú trình báo. Đến ngày 07/4/2025, sau khi biết hành vi phạm tội bị phát hiện Vũ Văn N đến Cơ quan Công an phường Trần Phú đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên và giao nộp cho Cơ quan Công an số tiền 8.500.000đ (tám triệu năm trăm nghìn đồng) cùng 01 túi xách giả da màu đen. Ngoài ra, Nam còn khai nhận: số tiền chiếm đoạt được Nam trả nợ cho anh Hoàng Văn H (lái xe taxi) số tiền 800.000 đồng, cho anh Trần Văn S (em họ N) số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng), còn lại chi tiêu cá nhân hết 500.000đ (năm trăm nghìn đồng).

Quá trình điều tra bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Bị hại anh Hoàng Văn T và anh Trần Văn C trong quá trình điều tra và trong đơn xin xét xử vắng mặt có lời khai thể hiện như nội dung vụ án. Gia đình bị cáo đã bồi thường cho anh Hoàng Văn T và anh Trần Văn C số tiền bị cáo đã chiếm đoạt, đến nay các anh không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Vi Thị H trong quá trình điều tra và trong đơn xin xét xử vắng mặt có lời khai thể hiện: chị H là mẹ đẻ của bị cáo N, việc bị cáo lấy trộm tiền của anh T và anh C chị và gia đình không biết, trong quá trình điều tra bị cáo đã tác động chị bồi thường số tiền đã chiếm đoạt cho anh T và anh C. Số tiền trên chị không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn S, anh Hoàng Văn H trong quá trình điều tra và trong đơn xin xét xử vắng mặt có lời khai thể hiện như nội dung vụ án. Về phía anh H không biết số tiền bị cáo trả nợ cho anh H là tiền do trộm cắp mà có. Đến nay anh H không đề nghị nhận lại số tiền 800.000đ (tám trăm nghìn đồng) mà anh H đã giao nộp cho Cơ quan Công an.

Người làm chứng anh Hoàng Lộc N trong quá trình điều tra có lời khai thể hiện như nội dung vụ án.

Tại Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số: 1179/CT - VKSMC ngày 22/4/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố bị cáo Vũ Văn N, về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung vụ án và quá trình điều tra.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo như nội dung Quyết định truy tố và đề nghị Chủ tọa phiên tòa:

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Vũ Văn N từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 (mười hai) tháng đến 18 (mười tám) tháng, về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung.

Áp dụng: điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b, c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Trả lại cho bị cáo: 8.500.000đ (tám triệu năm trăm nghìn đồng).
- Sung vào ngân sách nhà nước: 800.000đ (tám trăm nghìn đồng).
- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) chiếc túi xách giả da màu đen, có dây đeo, không còn giá trị sử dụng.

Bị cáo không tranh luận với lời luận tội của Đại diện Viện kiểm sát và nói lời sau cùng đề nghị xem xét cho hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ít nghiêm trọng; hành vi phạm tội đơn giản, chứng cứ rõ ràng. Căn cứ vào các Điều 456, 460, 461 và 462 Bộ luật Tố tụng hình sự, các cơ quan tiến hành tố tụng đã quyết định áp dụng giải quyết theo thủ tục rút gọn. Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ninh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Đánh giá nội dung Đơn trình báo của các bị hại ngày 06/4/2025; Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú; các lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa; lời khai của các bị hại; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: khoảng 03 giờ 00 phút ngày

06/4/2025, tại phòng 401 nhà nghỉ “Ngọc Hân” thuộc khu 2, phường Tr, thành phố M, bị cáo có hành vi trộm cắp số tiền của anh T là 7.800.000đ (bảy triệu tám trăm nghìn đồng), trộm cắp của anh C số tiền là 3.000.000đ (ba triệu đồng), tổng số tiền là 10.800.000đ (mười triệu tám trăm nghìn đồng).

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi do lỗi cố ý, mặc dù biết pháp luật nghiêm cấm việc chiếm đoạt bất hợp pháp tài sản của người khác, nhưng vẫn lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Hành vi của bị cáo xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Do đó, hành vi chiếm đoạt số tiền 10.800.000đ (mười triệu tám trăm nghìn đồng), nên đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Như vậy, quan điểm truy tố và luận tội của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái là có căn cứ pháp lý.

[3] Xét tính chất, mức độ của hành vi là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, lợi dụng việc các bị hại đang ngủ bị cáo đã lén lút lấy trộm tiền của các bị hại và mang đi tiêu xài, như vậy tội phạm mà bị cáo thực hiện đã hoàn thành. Đây là hành vi nguy hiểm trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ và xâm phạm an ninh, trật tự xã hội. Bị cáo tuy tuổi đời còn trẻ, lười lao động, do bản tính ham chơi và nhận thức rõ pháp luật nghiêm cấm việc xâm phạm tài sản của người khác nhưng bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần xử lý nghiêm, mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phục vụ công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, phòng ngừa chung.

[4] Về áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt bổ sung.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú và tác động gia đình bồi thường số tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại và được các bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt. Ngoài ra bị cáo đã tham gia nghĩa vụ quân sự vào năm 2021. Nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về hình phạt bổ sung: theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự, người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo công việc không ổn định. Vì vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về xử lý tài sản, vật chứng vụ án: 01 (một) chiếc túi xách giả da màu đen, có dây đeo màu, không còn giá trị sử dụng. Nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Số tiền 8.500.000đ (tám triệu năm trăm nghìn đồng) là tiền bị cáo chiếm đoạt của các bị hại, và bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho các bị hại. Tại phiên tòa bị cáo đề nghị nhận lại số tiền trên, nên trả lại cho bị cáo.

- Số tiền 800.000đ (tám trăm nghìn đồng) là tiền do bị cáo phạm tội mà có và dùng để trả nợ cho anh H (số tiền trên anh Hiền đã giao nộp cho cơ quan Công an), đến nay anh H không đề nghị nhận lại số tiền trên. Nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[6] Về bồi thường dân sự: anh Trần Văn C, anh Hoàng Văn T đã nhận lại số tiền bị chiếm đoạt, nên không xem xét.

- Đối với số tiền 10.800.000đ (mười triệu tám trăm nghìn đồng) mẹ bị cáo đã thay mặt bị cáo bồi thường cho các bị hại, và không đề nghị bị cáo phải hoàn trả số tiền trên cho mẹ bị cáo, nên không xem xét.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

[9] Đối với các anh Hoàng Văn Hiền, Trần Văn Sơn là người được Nam trả nợ và cho tiền, tuy nhiên các anh Hiền, Sơn không biết số tiền này do Nam phạm tội mà có nên không đề cập xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự. Điểm d khoản 1, khoản 2 Điều 125; khoản 4 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xử phạt bị cáo **Vũ Văn N 09 (chín)** tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là *18 (mười tám)* tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Trả tự do cho bị cáo Vũ Văn N tại phiên tòa.

Giao bị cáo Vũ Văn Nam cho Ủy ban nhân dân xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên theo quy định tại Điều 87 của Luật Thi hành án hình sự, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự, hủy bỏ Quyết định tạm giam đã áp dụng đối với bị cáo Vũ Văn Nam theo Quyết định tạm giam số 93/2025/HSST-QĐTG ngày 24/4/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

2. Về xử lý tài sản, vật chứng vụ án:

Căn cứ: điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự. Điểm b, c khoản 2; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Trả lại cho bị cáo: 8.500.000đ (tám triệu năm trăm nghìn đồng).
- Sung vào ngân sách nhà nước: 800.000đ (tám trăm nghìn đồng).
- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) chiếc túi xách giả da màu đen, có dây đeo.

(Biên bản giao nhận vật chứng số 87/2025/THA, ngày 24/4/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh và Biên bản giao nhận tài sản số 01/BBGN-KBNN khu vực III- phòng giao dịch số 11 ngày 11/4/2025 giữa phòng giao dịch số 11- Kho bạc nhà nước khu vực III và Cơ quan CSĐT- Công an tỉnh Quảng Ninh).

3. Về nghĩa vụ chịu án phí:

Căn cứ: khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Vũ Văn N phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ: khoản 1, khoản 4 Điều 331 và khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Án xử sơ thẩm công khai bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh; VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh;
- Phân trại khu vực Móng Cái- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Cơ quan Thi hành án Hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh;
- Bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Phòng HSNV PV06 Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu: hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đỗ Thị Thanh Huệ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA.

Đỗ Thị Thanh Huệ

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố Móng Cái;
- Công an Tp Móng cái;
- Thi hành án;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Thanh Huệ

